

Số: 608/QĐ – ĐHBL

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Căn cứ bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 36/2009/QH11 ngày 19/6/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền Sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ- BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ Trường đại học;

Căn cứ vào vào nhu cầu công tác của Trường;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Bạc Liêu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Bạc Liêu, các tổ chức và cá nhân phát sinh quyền Sở hữu trí tuệ với Nhà trường trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *ms*

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Phòng TC-HC; Phòng QLKH&HTQT.



Võ Hoàng Khiêm

Bạc Liêu, ngày tháng năm 2018

QUY ĐỊNH

Về hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Bạc Liêu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 608/QĐ – ĐHBL ngày 10 tháng 12 năm 2018)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) bao gồm: công tác tổ chức quản lý, bảo mật, khai thác tài sản trí tuệ (TSTT) và thực thi quyền SHTT của Trường Đại học Bạc Liêu (ĐHBL).

2. Văn bản này áp dụng đối với:

a. Tất cả các giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên và người lao động (nhân viên hợp đồng do Trường trả lương) làm việc tại các Khoa, Trung tâm, Bộ môn, Phòng ban chức năng trực thuộc Trường ĐHBL, gọi chung là Công chức – Viên chức – Người lao động (CCVC – NLD).

b. Các đối tượng như sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, cộng tác viên đến làm việc, khảo sát, học tập, thực tập, nghiên cứu,... tại các đơn vị trực thuộc Trường ĐHBL, gọi chung là người học.

c. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phát sinh quyền SHTT với Nhà trường trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong khuôn khổ của quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. TSTT: Là loại tài sản hữu hình hoặc vô hình được hình thành trong quá trình tư duy, sáng tạo của bộ não con người được biểu hiện dưới nhiều hình thức như tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý; giống cây trồng,... và quyền sở hữu đối với tất cả những TSTT này đều được pháp luật bảo hộ và được quy định trong Luật SHTT số 50/2005/QH11.

2. Các đối tượng SHTT: Là các đối tượng được định nghĩa tại Điều 3 của Luật số 36/2009/QH11 ngày 19/6/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật SHTT của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, bao gồm:

- a. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học;
- b. Đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa;
- c. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý;
- d. Đối tượng quyền sở hữu đối với giống cây trồng, vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

Tất cả các đối tượng nêu trên đều có thể phát sinh và trở thành TSTT của Trường ĐHBL và/hoặc các bên có liên quan trong quá trình triển khai nghiên cứu, cung ứng dịch vụ và truyền thông của Trường ĐHBL.

3. Quyền SHTT: Là tất cả những quyền đã được xác lập theo quy định của Luật SHTT Việt Nam đối với các TSTT, bao gồm: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

4. Chuyển giao TSTT: Là chuyển nhượng quyền SHTT hoặc chuyển giao quyền sử dụng (cấp li-xăng) đối với một TSTT cụ thể.

5. Thương mại hóa TSTT: Là việc tạo ra lợi nhuận từ chính việc khai thác, thương mại giá trị của quyền sở hữu và quyền sử dụng các đối tượng của quyền SHTT đang được bảo hộ.

6. Nhiệm vụ được giao: Là nhiệm vụ được xác định theo chức danh của từng cá nhân quy định trong Điều 1, trong các quy định liên quan về tổ chức và bộ máy của Trường ĐHBL, hoặc xác định trong hợp đồng lao động hoặc theo một mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp quản lý giao phó.

7. Nguồn lực của Trường ĐHBL: Được hiểu là bao gồm nguồn lực tài chính hay nguồn tài chính đầu tư thông qua Trường ĐHBL, các cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn lực thông tin, tư liệu, dữ liệu, dữ kiện của Trường ĐHBL.

Điều 3. Mục tiêu quản lý hoạt động SHTT

Quản lý của hoạt động SHTT nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ TSTT của cá nhân, tập thể trực thuộc Trường ĐHBL.

Chương II

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 4. Các nội dung quản lý hoạt động SHTT

1. Xây dựng quy trình, thủ tục phát hiện, khai báo TSTT: triển khai xác lập quyền và khai thác thương mại TSTT của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính Trường ĐHBL.

2. Xác định quyền sở hữu đối với TSTT của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính Trường ĐHBL.

3. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia thu nhập từ hoạt động khai thác thương mại TSTT.

4. Xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính cho hoạt động SHTT.

5. Quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, giảng viên, người học và các chủ thể khác tham gia vào các hoạt động của Nhà trường đối với quyền SHTT và thi hành Quy định về hoạt động SHTT trong Nhà trường.

6. Kiểm tra việc thực hiện quyền SHTT trong Nhà trường.

7. Xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm.

Điều 5. Quản lý hoạt động SHTT

1. Giao Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động SHTT của Trường.

2. Phòng QLKH&HTQT có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động SHTT, thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động SHTT;

b. Tổ chức việc ghi nhận, khai báo và quản lý TSTT;

c. Tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền SHTT;

d. Giám sát việc thực thi quyền SHTT;

e. Tổ chức khai thác thương mại TSTT;

f. Định kỳ 05 năm tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý về hoạt động SHTT để xây dựng định hướng, chiến lược phát triển trong 05 năm tiếp theo; thực hiện chế độ báo cáo, đề xuất mức độ và hình thức khen thưởng hoặc xử lý vi phạm;

g. Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện Quy định phù hợp với sự phát triển của Nhà trường từng giai đoạn.

Chương III

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 6. Quyền SHTT

1. Quyền SHTT là quyền hợp pháp đối với các TSTT. Để được bảo hộ, trước hết đơn vị quản lý và đơn vị khai thác thương mại TSTT, tác giả cần phải tiến hành thủ tục xác lập quyền.

2. Trong các loại TSTT, có đối tượng:

a. Cần phải đăng ký mới được xác lập quyền như: sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp, giống cây trồng.

b. Tự xác lập quyền không cần đăng ký như: tên thương mại, bí mật kinh doanh, quyền tác giả và quyền liên quan.

3. Các đối tượng quyền SHTT phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải được các cá nhân, tổ chức có liên quan phát hiện và thông báo cho Phòng QLKH&HTQT nhằm hạn chế khả năng bỏ sót hoặc thất thoát TSTT của Nhà trường.

4. Để bảo vệ quyền SHTT, chủ thể quyền có thể thực hiện quyền tự bảo vệ hoặc ủy quyền cho đại diện SHTT (là một dịch vụ do tổ chức hoặc cá nhân) thực hiện nhằm đại diện cho chủ thể quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp theo Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Xác lập quyền sở hữu đối với TSTT

Phòng QLKH&HTQT là đầu mối tổ chức và thực hiện việc xác lập quyền SHTT với các nội dung sau:

1. Lưu giữ và bảo vệ các tài liệu, chứng cứ hỗ trợ việc xác lập quyền SHTT của các tổ chức và cá nhân được thực hiện theo văn bản quản lý hoạt động SHTT.

2. Chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động xác lập quyền đối với TSTT được xác định thuộc quyền của nhiều chủ sở hữu, kể cả chủ sở hữu bên ngoài trường.

3. Lưu giữ và bảo vệ các chứng cứ về việc phát sinh quyền sở hữu đối với các TSTT tự xác lập quyền sở hữu (bí mật kinh doanh, tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) đáp ứng các điều kiện luật định.

4. Đối với TSTT (phát minh, sáng chế, giống cây trồng và các đối tượng khác) phải xác lập quyền sở hữu theo cơ chế đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc đối với TSTT (tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) có thể đăng ký để giảm thiểu nghĩa vụ chứng minh quyền, Phòng QLKH&HTQT thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật SHTT.

5. Chi phí xác lập quyền SHTT do các chủ sở hữu TSTT liên quan chi trả theo tỷ lệ quyền sở hữu tương ứng. Chi phí xác lập quyền SHTT của Nhà trường được hạch toán trong kinh phí quản lý hoạt động khoa học công nghệ hàng năm.

6. Đối với TSTT bị bỏ sót không được ghi nhận lại cho đến khi đã nghiệm thu xong đề tài, dự án, đến thời điểm được phát hiện mà vẫn còn đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo pháp luật SHTT, Phòng QLKH&HTQT chịu trách nhiệm thực hiện xác lập quyền SHTT đối với tài sản này.

Điều 8. Trường ĐHBL là chủ sở hữu đối với các TSTT sau:

1. Được tạo ra bởi CCVC-NLĐ hoặc người học trong quá trình học tập, làm

việc theo yêu cầu của công việc, nhiệm vụ được giao hoặc các công việc được quy định chi tiết trong hợp đồng lao động hoặc các văn bản khác có hiệu lực.

2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường ĐHBL đặt hàng hay ký kết với các tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài Trường ĐHBL, trừ những trường hợp có quy định khác.

3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa ĐHBL với một hoặc một số đối tác khác, trong đó có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về Trường ĐHBL.

4. Khi các cơ quan chủ quản là đơn vị cấp kinh phí các đề tài, dự án khoa học công nghệ cho Trường ĐHBL từ nguồn ngân sách Nhà nước và các cơ quan chủ quản chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Trường ĐHBL đứng tên “cơ quan chủ trì hay chủ quản” trong đề tài/dự án được duyệt.

5. Các loại TSTT được các chủ thể khác chuyển nhượng hoặc biếu, tặng cho Trường ĐHBL.

Điều 9. Trường ĐHBL là đồng sở hữu đối với các TSTT sau:

1. Được tạo ra bởi các đối tượng được quy định trong Điều 1 trong quá trình sử dụng nguồn lực của Trường ĐHBL để tạo ra TSTT nhưng không được giao nhiệm vụ hoặc không theo yêu cầu của công việc được quy định cụ thể trong các hợp đồng liên quan.

2. Được tạo ra bởi các đối tượng được quy định trong Điều 1 không được giao nhiệm vụ và không sử dụng nguồn lực của Trường ĐHBL, nhưng xuất phát từ một hoặc một số TSTT, các thông tin hay bí mật kinh doanh của Trường ĐHBL mà các đối tượng được quy định trong Điều 1 đã được tiếp cận một cách hợp pháp.

3. Được tạo ra trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh,... với các đối tác khác, trừ khi hợp đồng có các quy định về quyền sở hữu TSTT.

4. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, Trường ĐHBL là bên tài trợ hoặc bên nhận tài trợ, trừ khi hợp đồng có các quy định về quyền sở hữu TSTT.

Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp sẽ do các bên có liên quan quy định cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về nhân lực, vật lực, tài lực hoặc thông tin, trên cơ sở hợp tác bên vững và các bên cùng có lợi.

Trong trường hợp một đồng chủ sở hữu với Trường ĐHBL có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình, chủ sở hữu của phần quyền muốn chuyển nhượng đó sẽ ưu tiên chuyển nhượng cho các đồng chủ sở hữu khác (nếu các đồng chủ sở hữu khác có nhu cầu) theo các điều kiện thương mại hợp lý.

Điều 10. Trường ĐHBL không phải là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu đối với các TSTT sau:

1. Được tạo ra tại Trường ĐHBL bởi các đối tượng được quy định trong Điều 1 không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực, TSTT, thông tin hay bí mật kinh doanh của Trường ĐHBL, nhưng có giá trị ứng dụng vào các mặt hoạt động của Trường ĐHBL.

2. Được tạo ra bởi các đối tượng được quy định trong Điều 1 trong quá trình tham gia các hoạt động của đoàn thể, các hoạt động xã hội nhằm phục vụ các sinh hoạt cộng đồng.

3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường ĐHBL với các đối tác khác, trong đó, có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về bên đối tác.

Điều 11. Quyền SHTT của giảng viên

1. Quyền SHTT của giảng viên được hình thành trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, bao gồm các TSTT sau:

a. Các tác phẩm: Luận văn, luận án, khóa luận; các đề tài nghiên cứu khoa học sử dụng ngân sách Nhà nước đã được nghiệm thu; các báo cáo nghiên cứu khoa học, báo cáo khảo sát thực tiễn; kỷ yếu hội nghị, hội thảo do Trường ĐHBL xuất bản; sách, giáo trình, tài liệu tham khảo do Trường ĐHBL xuất bản; sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử do Trường ĐHBL xuất bản.

b. Các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, giống cây trồng (vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch).

2. Các TSTT nêu trên có thể thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường ĐHBL tùy thuộc vào TSTT đó được hình thành thuộc một trong các trường hợp đã nêu tại Điều 8,9 trong Quy định này.

3. Giảng viên được hưởng quyền nhân thân đối với TSTT do mình tạo ra.

4. Các quyền sở hữu đối với các tác phẩm được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp Trường ĐHBL hoặc một số chủ thể khác là đồng sở hữu đối với tác phẩm, các đồng sở hữu sẽ cùng thỏa thuận cụ thể về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản cũng như việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng do tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.

- Trong trường hợp TSTT do các đối tượng được quy định trong Điều 1 tạo ra là một tác phẩm phát sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường ĐHBL và không thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của Luật SHTT; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường ĐHBL biết về việc xuất hiện tác phẩm phát sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Trường

ĐHBL bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phát sinh đó.

- Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHBL, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Trường ĐHBL.

- Đối với các bài báo khoa học do các đối tượng được quy định trong Điều 1 được phép sử dụng thời gian làm việc tại Trường và nguồn lực của Trường để soạn thảo, thì các tác phẩm này thuộc quyền sở hữu của đối tượng tương ứng. Tuy nhiên, trong các công bố phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường ĐHBL.

Điều 12. Quyền SHTT của người học

1. Các TSTT phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học được thể hiện qua các bài tập, đồ án môn học, luận văn tốt nghiệp, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích,... đều thuộc về người học. Trừ các trường hợp TSTT đó được hình thành do giảng viên hoặc Trường ĐHBL đầu tư kinh phí để thực hiện ý tưởng nghiên cứu, sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở các bên cùng có lợi.

2. Trong trường hợp các TSTT của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực của Trường ĐHBL, hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của giảng viên, thì các bên liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với TSTT phát sinh bằng văn bản.

3. Trường hợp các TSTT được hình thành trong quá trình nghiên cứu của người học do các công ty, doanh nghiệp,... đầu tư kinh phí (thông qua các hợp đồng hay thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật cho phép) thì các bên liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với TSTT phát sinh bằng văn bản, trừ khi có các quy định khác về quyền sở hữu TSTT.

Điều 13. Các quy định về tác giả và đồng tác giả

1. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng.

2. Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của Luật SHTT, Luật Dân sự và pháp luật có liên quan; trừ khi có quy định phải chuyển giao một quyền nhân thân nào đó cho các chủ thể khác theo các Điều đã nêu tại Quy định này hoặc theo hợp đồng mà các bên liên quan đã giao kết, trong phạm vi pháp luật cho phép.

3. Trong trường hợp TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, danh sách tên các đồng tác giả và tỉ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận bằng văn bản.

4. Các tác giả và đồng tác giả được hưởng quyền TSTT theo quy định Điều

25, hoặc sẽ do Ban Giám hiệu Trường ĐHBL quyết định theo từng trường hợp cụ thể, hoặc theo các quy định trong hợp đồng có liên quan mà họ đã ký kết.

Chương IV **QUẢN LÝ VÀ BẢO MẬT CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Trường

Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ Phòng QLKH&HTQT trong việc:

1. Phòng chống việc xâm phạm trái phép quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các đơn vị trực thuộc phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

2. Quán triệt Quy định này cùng các quy định liên quan khác đến tất cả các CCVC – NLĐ, người học thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Yêu cầu các CCVC – NLĐ, người học trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành theo hướng dẫn của Phòng QLKH&HTQT.

4. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo Quy định này.

5. Xúc tiến việc khai thác giá trị của các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Công chức – Viên chức – Người lao động

1. Ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành với sự hướng dẫn của Phòng QLKH&HTQT. Tất cả các bản ghi nhận này được xem là thông tin mật của trường cho đến khi Phòng QLKH&HTQT thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ.

2. Không được sử dụng các quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được sự đồng ý của họ. Trong trường hợp vi phạm, CCVC – NLĐ, Sinh viên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

3. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo Quy định này.

4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo Quy định này.

5. Hỗ trợ Phòng QLKH&HTQT mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với TSTT do mình tạo ra

hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của trường hoặc của chủ thể khác có liên quan.

6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT theo Điều 17 trong quy định này.

7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến TSTT của Trường phải được sự đồng ý bằng văn bản của nhà trường.

Điều 16. Trách nhiệm của người học

1. Sở hữu TSTT do mình sáng tạo ra, hoặc tham gia sáng tạo ra theo quy định này trong suốt thời gian theo học tại Trường.

2. Không được sử dụng các quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được sự đồng ý của họ. Trong trường hợp vi phạm, người học phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

3. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo Quy định này.

4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo Quy định này.

5. Hỗ trợ Phòng QLKH&HTQT mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của Trường hoặc của chủ thể khác có liên quan.

6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT theo Điều 17 trong Quy định này.

7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến TSTT của Trường phải được sự đồng ý bằng văn bản của nhà trường.

Điều 17. Các quy tắc bảo mật

1. Khi có TSTT mới phát sinh được tạo ra, tác giả phối hợp với đơn vị quản lý TSTT tiến hành ghi nhận và xử lý. Tất cả các văn bản liên quan đến việc ghi nhận, xử lý TSTT mới phát sinh được xem là tài liệu bí mật của Trường ĐHBL.

2. Các tài liệu phải được đánh dấu bằng ký hiệu “Thông tin bí mật” bằng màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu và được lưu giữ tại đơn vị quản lý TSTT.

3. Những tài liệu đã được xử lý và xác nhận là thông tin mật của Trường ĐHBL sẽ được lưu giữ và bảo mật theo “Quy định bảo vệ bí mật Nhà nước và Danh mục tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước của Trường ban hành ngày 26/3/2015”.

4. Trong trường hợp các đồng sở hữu TSTT với Trường ĐHBL muốn công bố hoặc tiết lộ, phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của trường thì mới có thể công bố hoặc tiết lộ.

Chương V
KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 18. Các hình thức khai thác TSTT

Việc khai thác TSTT bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức sau:

- Công bố TSTT;
- Chuyển nhượng quyền TSTT cho chủ thể khác;
- Áp dụng, khai thác TSTT trong quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Trường ĐHBL;
- Sử dụng quyền SHTT để góp vốn, liên doanh, liên kết;
- Cấp văn bằng (li-xăng) cho các đối tượng có nhu cầu;
- Chuyển giao công nghệ;
- Chuyển nhượng, cho, tặng.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị quản lý TSTT

Phòng QLKH&HTQT Trường ĐHBL là đơn vị quản lý các TSTT của Trường ĐHBL, thực hiện các chức năng nhiệm vụ sau:

1. Hướng dẫn và phối hợp với các Khoa, Trung tâm, Bộ môn và đơn vị trực thuộc Trường ĐHBL thực hiện việc nhận diện, ghi nhận, thống kê các TSTT phát sinh.
2. Xác định quyền sở hữu và tác giả/đồng tác giả đối với các TSTT phát sinh.
3. Phân loại TSTT và tiến hành các biện pháp bảo mật khi cần thiết.
4. Hỗ trợ xúc tiến việc xác lập quyền sở hữu, quyền tác giả/đồng tác giả của TSTT.
5. Xây dựng các quy trình, thủ tục, biểu mẫu quản lý các TSTT, trình Hiệu trưởng Trường ĐHBL ban hành để thực hiện.
6. Phối hợp với đơn vị khai thác thương mại TSTT nghiên cứu thống nhất triển khai các hoạt động thương mại.
7. Định kỳ rà soát, đánh giá, định giá các TSTT thuộc danh mục hiện hữu.
8. Tham mưu cho Ban Giám hiệu các phương án quản lý các TSTT hiệu quả.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị khai thác thương mại TSTT

Các đơn vị khai thác thương mại TSTT của Trường ĐHBL (nếu có), thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường ĐHBL.
2. Tham mưu cho Hiệu trưởng ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng văn bằng (li-xăng), hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng

TSTT hoặc các hình thức thương mại TSTT từ nguồn lực Trường ĐHBL đầu tư.

3. Tham mưu cho Hiệu trưởng ký kết các hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập TSTT mới.

4. Phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc Trường ĐHBL phòng chống việc xâm phạm quyền SHTT trong mọi mặt hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ về khai thác TSTT của tác giả

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng các TSTT của Trường ĐHBL khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Có quyền được hưởng các lợi ích phù hợp từ việc khai thác thương mại TSTT của Trường ĐHBL mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả. Tùy theo từng trường hợp mà có thỏa thuận riêng với trường.

3. Trong trường hợp TSTT do tác giả tạo ra là một sáng chế cho Trường ĐHBL, việc sử dụng và khai thác sáng chế phải nhận được sự đồng ý bằng văn bản của trường.

4. Vẫn được giữ quyền nhân thân đối với các tác phẩm, sáng chế của mình khi không còn công tác tại Trường ĐHBL.

5. Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHBL, tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của trường và phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường ĐHBL trong tác phẩm của mình. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của Trường ĐHBL khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của trường.

6. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Trường ĐHBL, tác giả vẫn được hưởng thù lao từ việc khai thác các TSTT do Trường sở hữu hoặc đồng sở hữu; trừ khi giữa Trường và chủ thể liên quan hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 22. Sự chuyển giao TSTT giữa Trường ĐHBL với tác giả

1. Trong trường hợp Trường ĐHBL thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Trường đối với một TSTT được tạo ra. Các đơn vị trực thuộc Trường hoặc tác giả có thể yêu cầu Trường chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình.

2. Trường ĐHBL có thể yêu cầu tác giả chuyển nhượng TSTT do tác giả là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu với điều kiện thương mại hợp lý.

3. Các đơn vị trực thuộc Trường ĐHBL hoặc tác giả đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn các TSTT vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Trường.

4. Các đơn vị trực thuộc Trường ĐHBL hoặc tác giả đang làm việc tại Trường không chuyển giao các TSTT cho đối tác thứ ba nếu việc chuyển giao đó có

thể ảnh hưởng đến lợi ích của Trường, trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Trường hoặc pháp luật liên quan có quy định khác.

Điều 24. Các công nghệ hạn chế hoặc cấm chuyển giao

Đơn vị quản lý và đơn vị khai thác TSTT có trách nhiệm xác định các công nghệ được chuyển giao có bị hạn chế hoặc cấm chuyển giao được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật chuyển giao công nghệ, bao gồm:

1. Hạn chế chuyển giao một số công nghệ nhằm mục đích sau đây:

- Bảo vệ lợi ích quốc gia;
- Bảo vệ sức khỏe con người;
- Bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc;
- Bảo vệ động vật, thực vật, tài nguyên, môi trường;
- Thực hiện quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Công nghệ cấm chuyển giao:

- Công nghệ không đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo đảm sức khỏe con người, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Công nghệ tạo ra sản phẩm gây hậu quả xấu đến phát triển kinh tế - xã hội và ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.
- Công nghệ không được chuyển giao theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Công nghệ thuộc Danh mục bí mật nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 25. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các TSTT

1. Phân chia thu nhập từ những TSTT là sản phẩm của những đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách Nhà nước, sau khi đã trừ các chi phí khác (nếu có) như đăng ký bản quyền, tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng chuyển giao, phân chia lợi nhuận cho cơ quan chủ quản cấp kinh phí (theo tỉ lệ đã thỏa thuận trong qui định hoặc hợp đồng....), việc hưởng thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các TSTT được tính như sau:

a. Lợi nhuận từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ:

- Tác giả/đồng tác giả: Hưởng 50% tổng giá trị.
- Đơn vị trực tiếp quản lý CCVC-NLĐ, người học: Hưởng 20% tổng giá trị
- Trường ĐHBL: Hưởng 30% tổng giá trị

b. Lợi nhuận từ việc thương mại hóa các sản phẩm do sử dụng nguồn lực của Trường ĐHBL để sản xuất (trong 10 năm):

- Tác giả/đồng tác giả: Hưởng 40% tổng giá trị.

- Đơn vị trực tiếp quản lý CCVC-NLĐ, người học: Hưởng 10% tổng giá trị.
 - Trường ĐHBL: Hưởng 50% tổng giá trị.
2. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận của nhóm tác giả tương ứng với tỷ lệ đóng góp của từng tác giả mà nhóm tác giả đã tự thỏa thuận bằng văn bản.
 3. Đối với các TSTT tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thì thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.
 4. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ TSTT sẽ do Hiệu trưởng Trường ĐHBL quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định hoạt động SHTT được khen thưởng theo quy định của Trường;
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định hoạt động SHTT tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương VII CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Các điều khoản thi hành

1. Mọi CCVC – NLĐ, người học đang làm việc, học tập, nghiên cứu,... tại Trường ĐHBL phải được biết các thông tin liên quan đến mình trong Quy định này trước khi ký hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với trường hoặc các tổ chức đơn vị bên ngoài trường.
2. Phòng QLKH&HTQT, các đơn vị khai thác TSTT có trách nhiệm tập hợp và ghi nhận các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường ĐHBL.
3. Các tranh chấp về SHTT trong nội bộ được ưu tiên xử lý theo tinh thần thỏa thuận, hòa giải. Nếu chưa được giải quyết được sẽ áp dụng theo các trình tự, thủ tục pháp lý có liên quan hiện hành.
4. Trong quá trình thực hiện, Quy định sẽ được xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp thực tiễn của Trường ĐHBL hoặc theo sự bổ sung hoàn thiện của pháp luật liên quan.
5. Quy định này được thay thế cho các văn bản liên quan do Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành trước đây. / *mt*

13



Võ Hoàng Khiêm